

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS - ST
Ngày: 14-11-/2018.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng song vụ".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

Thành *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Y
Bà Bá Thị Thu Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa; ông Ngô Văn Nghị - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST- DS, ngày 01-8-2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2018, ngày 13-8-2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1983,

Địa chỉ: số 24/2 đường Võ Thị S, khu phố 8, thị trấn P, huyện Nc, tỉnh N (có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1975.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Ông Đào Văn P, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: số 42/16 đường Nguyễn Văn T, khu phố 8, thị trấn P, huyện N, tỉnh N (vắng mặt).

Nhân chứng: Lê Thành L, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Khu phố 15, thị trấn P, huyện N, tỉnh N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Bích P trình bày: Tôi có hợp đồng với vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Đào Văn P về việc tôi bỏ tiền mua Dê, Cừu con cho vợ chồng bà Tt, ông P chăn nuôi tính lãi theo số lượng ký.

Cụ thể nội dung và thời điểm thỏa thuận như sau: Vào thời điểm khoảng tháng 7-2016 tôi có mua của ông L 7 con Dê con khoảng 10kg đến 15kg với giá tiền khoảng

11.875.000 đồng và thời gian khoảng tháng 10 - 2016 tôi tiếp tục mua của ông L khoảng 22 con cừu con khoảng 15kg trở xuống với giá tiền khoảng 31.737.000 đồng; hai bên thỏa thuận vợ chồng bà T, ông P nuôi dê, Cừu do tôi mua cung cấp cho nuôi đến khi Dê, Cừu đủ ký bán được thì vợ chồng ông P, bà T báo tôi, cùng người cung cấp Dê con là ông Lâm đến để kiểm tra số lượng con, số lượng ký bán ra để tôi và vợ chồng ông P, bà T tính lãi cho tôi (P) trên số lượng con, ký bán được; Nhưng khi Dê, Cừu nuôi lớn đến thời điểm bán được thì vợ chồng ông P, bà T không báo cho tôi biết mà tự ý bán cho người khác, vợ chồng không đưa lại tiền vốn của tôi bỏ ra mua Dê, Cừu và cả tiền lãi trên số lượng con, ký theo thỏa thuận và tháng 6-2016 vợ chồng bà P có mượn của tôi 2.000.000 đồng; tháng 10-2016 có mượn của tôi 2.000.000 đồng về chi tiêu gia đình.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Đào Văn P chồng bà T phải trả số tiền 47.612.000đ cho tôi và yêu cầu tính lãi theo lãi suất do ngân hàng Nhà nước quy định của số tiền nợ trên.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: năm 2016 vợ chồng bà có nhận tiền của bà P mua Dê, Cừu con nuôi và tính lãi 3%/ tháng; thời gian khoản ngày 9-7-2016 bà nhận của bà P số tiền 11,875.000đ và ngày 07-10-2016 bà nhận của bà P số tiền 31,737.000đ; tổng cộng bà nhận của bà P 2 lần số tiền là 43.912.000đ; nhưng bà T khai khi bán Dê, Cừu đã trả cho bà P hết.

Nhân chứng ông L trình bày: Tôi có biết bà Huỳnh Thị T và bà Nguyễn Thị Bích P vì các người này là người cùng địa phương; tôi có biết bà P vì bà P là người mua Dê, Cừu con của tôi; còn bà T là người đến bắt Dê, Cừu của tôi bán cho bà P.

Cụ thể nội dung sự việc như sau: vào thời điểm khoảng tháng 7- 2016 tôi có bán cho bà P 7 con Dê con khoảng 10kg đến 15kg với giá tiền khoảng 11.875.000đồng và thời gian khoảng tháng 10 - 2016 tôi tiếp tục bán cho bà P khoảng 22 con cừu con khoảng 15 kg trở xuống với giá tiền khoảng 31.737.000 đồng.

Dê, Cừu tôi bán bà P là người ngỏ ý trao đổi mua Dê, Cừu của tôi, bà P là người trực tiếp thanh toán tiền mua Dê, Cừu cho tôi; còn người đến bắt Dê, Cừu tôi bán cho bà Nguyễn Thị Bích P là vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Đào Văn P chồng bà T.

Theo tôi biết lý do bà T, ông P chồng bà T đến bắt Dê, Cừu tôi bán cho bà Nguyễn Thị Bích P là vì bà P là người bỏ tiền vốn mua Dê, Cừu con của tôi đưa cho người khác nuôi để lấy lãi theo thỏa thuận,

Số Dê, Cừu của tôi bán cho bà P, bà P đưa cho vợ chồng bà T, ông P nuôi lấy lãi nên vợ chồng bà Tt, ông P đến bắt.

Vợ chồng bà T, ông P đến bắt Dê, Cừu có sự chứng kiến của tôi.

Về việc giao - nhận tiền như sau: khi gia đình bà T đến bắt Dê, Cừu xong thì giữa tôi (Lâm), bà Huỳnh Thị T cùng đến nhà bà Nguyễn Thị Bích P; tôi báo số ký Dê, Cừu tôi giao cho bà T đã nhận, bà T thừa nhận đúng số ký Dê, Cừu tôi giao cho bà, thì bà Nguyễn Thị Bích P giao tiền cho tôi có sự chứng kiến của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Đào Văn P chồng bà T phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 47.612.000đồng

Để có căn cứ tính lãi cho phù hợp Hội đồng xét xử nghĩ nên tính lãi theo hợp đồng vay ngắn hạn, theo lãi suất quá hạn là 0,875%/tháng là phù hợp.

Cụ thể cách tính lãi của từng khoản nợ theo từng mốc thời gian cho phù hợp và phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử có cách tính như sau:

- Số tiền nợ 4.000.000 đồng tính lãi chậm trả nợ từ ngày phát sinh tranh chấp là ngày Ban quản lý khu phố 9 giải quyết (ngày 19-02-2017) cho đến ngày 19-10-2018 là 20 tháng.

Số tiền lãi phải trả là: 700.000 đồng (cách tính: $4.000.000đ \times 20 \text{ tháng} \times 0,875\%$)

- Số tiền nợ 11.875.000 đồng tính theo ngày thỏa thuận thực hiện hợp đồng là ngày 09-7-2016 cho đến ngày 09-11-2018 là 28 tháng.

Số tiền lãi phải trả là: 2.909.375 đồng (cách tính: $11.875.000đ \times 28 \text{ tháng} \times 0,875\%$)

- Số tiền nợ 31.737.000 đồng tính theo ngày thỏa thuận thực hiện hợp đồng là ngày 07-10-2016 cho đến ngày 07-11-2018 là 25 tháng.

Số tiền lãi phải trả là: 6.942.468 đồng (cách tính: $31.737.000đ \times 25 \text{ tháng} \times 0,875\%$)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là vụ kiện tranh chấp "hợp đồng song vụ"

Về phần thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo nhiều lần theo thủ tục tố tụng nhưng các đương sự phía bị đơn vẫn không có mặt căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đưa ra xét xử vắng mặt theo luật định.

Xét lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P, bị đơn bà Huỳnh Thị T và lời trình bày của nhân chứng ông Lê Thanh L đều thống nhất về thời gian, địa điểm, vật giao dịch và số tiền giao dịch, cụ thể bà T thừa nhận thời điểm xác lập hợp đồng là ngày 09-7-2016 số tiền giao dịch là 11.875.000đ, ngày 07-10-2016 số tiền giao dịch là 31.737.000đ; tổng cộng: 43.612.000đ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm a, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận giao dịch thực hiện "hợp đồng vay tài sản" giữa bà Nguyễn Thị Bích P và vợ chồng bà Huỳnh Thị T, ông Đào Văn P là sự thật.

Xét lời trình bày của bà T và nội dung biên bản giải quyết vào ngày 19-02-2017 tại ban quản lý khu phố 9. thị trấn Phước Dân thì bà T thừa nhận có nợ của bà P 4.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P đòi bà T trả nợ 4.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả nợ.

Mặc dù bà T cho rằng các khoản nợ trên bà đã trả cho bà P rồi nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc trả nợ của mình, hơn nữa Tòa án đã tổng đạt các thông báo cho bà T nhiều lần để Tòa án hòa giải và thu thập các thông tin, chứng cứ từ bà, nhưng bà T không đến trình bày và bảo vệ quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của mình.

Căn cứ Điều 398, 402, 413, 418, 419 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết là phù hợp.

Để có căn cứ tính lãi cho phù hợp Hội đồng xét xử nghĩ nên tính lãi theo hợp đồng vay ngắn hạn, theo lãi suất quá hạn là 0,875%/tháng là phù hợp.

Cụ thể cách tính lãi của từng khoản nợ theo từng mốc thời gian cho phù hợp và phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử có cách tính như sau:

- Số tiền nợ 4.000.000 đồng tính lãi chậm trả nợ từ ngày phát sinh tranh chấp là ngày Ban quản lý khu phố 9 giải quyết (ngày 19-02-2017) cho đến ngày 19-10-2018 là 20 tháng.

Số tiền lãi phải trả là: 700.000 đồng (cách tính: $4.000.000đ \times 20 \text{ tháng} \times 0,875\%$)

- Số tiền nợ 11.875.000 đồng tính theo ngày thỏa thuận thực hiện hợp đồng là ngày 09-7-2016 cho đến ngày 09-11-2018 là 28 tháng.

Số tiền lãi phải trả là: 2.909.375 đồng (cách tính: $11.875.000đ \times 28 \text{ tháng} \times 0,875\%$)

- Số tiền nợ 31.737.000 đồng tính theo ngày thỏa thuận thực hiện hợp đồng là ngày 07-10-2016 cho đến ngày 07-11-2018 là 25 tháng.

Số tiền lãi phải trả là: 6.942.468 đồng (cách tính: $31.737.000đ \times 25 \text{ tháng} \times 0,875\%$)

Từ phân tích trên đủ cơ sở buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị Tuyết, ông Đào Văn P phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền nợ gốc 47.612.000 đồng và tiền lãi là 10.551.843 đồng.

Về án phí: Buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T, ông Đào Văn P phải chịu 2.380.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 1.200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0016088 ngày 01-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326 UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P.

Buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T, ông Đào Văn P phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền nợ gốc 47.612.000 đồng và tiền lãi là 10.551.843 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được

vượt quá 20% năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10% năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T, ông Đào Văn P phải chịu 2.380.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 1.200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0016088 ngày 01-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

"...trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho những người này biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án theo thủ tục tố tụng.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sứ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Y; Bá Thị Thu Vân

Đoàn Sứ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- THADS huyện Ninh Phước (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

Đoàn Sứ

